TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9- 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Liên, bà Lê Thị Huấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Loan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – N sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường D, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường D, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Tiến trình B: Anh và chị N kết hôn với nhau vào ngày 01/3/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình).

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung trong sinh hoạt hàng ngày nên dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên can, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Đến nay anh nhận thấy tình cảm không còn vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày về điều kiện, thủ tục đăng ký kết hôn như anh T trình bày. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng sống xa nhau nên có nhiều vấn đề chưa hiểu nhau nên anh T về làm đơn xin ly hôn chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng. Hiện nay chị không có thai và không nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị N xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/10/2013. Khi ly hôn anh T, chị N đều có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại UBND phường D: Anh T, chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường D, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày cưới anh chị về chung sống với bố mẹ anh T tại Tổ dân phố L, phường D, tỉnh Ninh Bình. Về nguyên nhân cụ thể của mâu thuẫn địa phương không nắm rõ. Nay anh T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh T, chị N có một con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/10/2013. Thời điểm anh T, chị N đi làm ăn xa thì cháu Đăng ở với ông bà nội và theo học tại phường D. Anh T, chị N đều là lao động tự do nên không có thu nhập ổn định.

Tại phiên toà anh T có mặt, chị N vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày trên.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/10/2013 kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Anh Nguyễn Hữu T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại phường D, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân ku vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N tại phiên tòa.

- *Về nội dung vụ án*:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Theo anh Nguyễn Hữu T trình bày vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày nên dẫn đến mâu thẫu không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức hòa giải các đương sự có mặt nhưng anh T vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn chị N, chị N không đồng ý ly hôn nhưng từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay các đương sự không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, vợ chồng vẫn sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử ly hôn giữa anh T và chị N là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh T, chị N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/10/2013. Khi ly hôn anh T, chị N đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ thời điểm anh

T, chị N đi làm ăn xa, cháu Đ ở nhà với ông bà nội và vẫn theo học tại các trường, các cấp tại phường D. Quá trình làm việc cháu Đ thể hiện quan điểm hiện nay chị N đi làm ăn xa không có nhà, cháu đang ở với anh T và ông bà nội, cháu đang theo học lớp 7A Trường THCS C, phường D, tỉnh Ninh Bình nên căn cứ vào tình hình thực tế cũng như nguyện vọng của các đương sự, tránh xáo trộn cuộc sống hiện tại nên khi ly hôn cần giao anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hải Đ kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N, anh T được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Hữu T trực triếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/10/2013 kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T, chị N được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Anh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai số 0000353 ngày 06/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình.*
- *VKSND khu vực 6 – Ninh Bình.*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;*
- *UBND phường D, tỉnh Ninh Bình;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tươi